TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2022/DS -ST
Ngày 08 - 7 - 2022
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Bà Vũ Thị Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:08 /2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th: Ông Phạm Hữu L – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hữu Lâm và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Dũng K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1977.

- Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1981 (là vợ anh C)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Người thừa kế thế vị của anh Nguyễn Bá Q, sinh năm: 1984 (*Đã chết ngày 01/3/2015*) là cháu Nguyễn Bá M, sinh ngày 14/7/2006.

- Người đại diện hợp pháp cho cháu M là chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu M:* Ông Nguyễn Tiến S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình

- Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1959

- Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(có mặt bà Th, anh K, ông L, ông S, chị H và cháu M; vắng mặt chị Kh, anh C, chị Nhị; ông Th, bà Nh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th với ông Nguyễn Bá L kết hôn vào năm 1976. Trong thời kỳ hôn nhân ông, bà có 03 người con chung là Nguyễn Văn C, sinh năm 1977; Nguyễn Dũng K, sinh năm 1981 và Nguyễn Bá Q sinh năm 1984 (đã chết ngày 01/3/2015, anh Quyết có 01 con duy nhất là cháu Nguyễn Bá M, sinh năm 2006). Ngoài ra ông L có 01 con riêng với vợ cũ (đã ly hôn trước khi kết hôn với bà) là Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1973. Quá trình chung sống bà và ông L có các tài sản chung gồm:

Quyền sử dụng diện tích đất 515 m^2, tại tờ bản đồ số 02 (gồm 02 thửa: thửa đất số 199 là 110 m^2 đất ao và thửa đất số 200 trong đó có 200 m^2 đất ở nông thôn và 205 m^2 đất vườn tạp) thuộc xóm 7 (nay là thôn Ng), xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình *(Khi đo đạc hiện trạng còn tổng 514.3m^2 đây là sai số do đo đạc giảm 0,7m^2 đất vườn tạp)* cùng tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây 4 gian lợp tôn và công trình phụ trợ. Nguồn gốc của các thửa đất trên là mua của ông Nguyễn Đức Th và bà Nguyễn Thị Nh ngày 05 tháng 01 năm 1998 với giá là 7.500.000 đồng, có hợp đồng chuyển nhượng và có xác nhận của UBND xã A. Hợp đồng có chỗ sửa chữa tên "Lự" thành tên "Cường", sửa tuổi từ "45" thành "25" nhưng thực tế ông L là người giao dịch mua bán đất bằng tiền của vợ chồng bà, việc sửa chữa có thể do chính ông L là người tự sửa sau đó, không

thông qua ý kiến của bà. Hiện diện tích đất và tài sản gắn liền với đất trên do bà Th, anh K quản lý, sử dụng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 202, diện tích 200m^2, loại đất ở nông thôn; thửa đất 204, diện tích 54 m^2, loại đất ao (cả hai thửa cùng tờ bản đồ số 02), thuộc xóm 7 (nay là thôn Ng), xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Khi đo đạc hiện trạng còn tổng 242.1m^2 giảm 11,9m^2 đất ao, đây là sai số do đo đạc). Nguồn gốc của 02 thửa đất này là đất bố mẹ đẻ của ông L để lại cho ông L, bà Th từ năm 1996. Hai thửa đất đã được UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H188293, vào sổ số 92/QSDĐ ngày 01/10/1996 mang tên ông Nguyễn Bá L. Hiện nay bà Th vẫn là người quản lý thửa đất này.

- 01 sổ tiết kiệm có số tiền gốc là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồn*g) và lãi suất gửi tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình từ ngày 15/01/2019, chủ sổ mang tên ông L.

Ngày 24/04/2019 ông Nguyễn Bá L chết không để lại di chúc, những người đồng thừa kế không thống nhất được việc phân chia di sản.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông L để lại gồm ½ quyền sử dụng các thửa đất và các tài sản trên đất cũng như 1/2 số tiền (gốc + lãi) trong sổ tiết kiệm nêu trên theo quy định của pháp luật. Quan điểm của bà Th về việc chia di sản thừa kế như sau:

+ Đối với di sản là bất động sản (các thửa đất và tài sản gắn liền với đất) bà đề nghị được chia, nhận kỷ phần bằng hiện vật tại các thửa đất số 199, 200 có nhà xây 4 gian lợp tôn và công trình phụ khác trên diện tích 514.3 m^2, tại tờ bản đồ số 02 thuộc Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và nhận kỷ phần bằng hiện vật tại các thửa đất số 202, 204 , tờ bản đồ số 02 tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

+ Đối với ½ số tiền trong sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình từ ngày 15/01/2019. Bà đề nghị giao cho bà sở hữu, bà có trách nhiệm thanh toán kỷ phần cho từng người thừa kế bằng tiền mặt tương ứng với kỷ phần mà họ được hưởng.

Bà Th tự nguyện không yêu cầu trích trả công sức hay thù lao quản lý di sản.

Về án phí: Bà có đơn xin miễn án phí vì bà là người cao tuổi; Về chi phí tố tụng: Hết 5.000.000 đồng bà Th tự nguyện chịu 2.000.000 đồng (chị H đã tự nguyện thanh toán cho bà 3.000.000 đồng).

Bị đơn – anh Nguyễn Dũng K trình bày:

Anh K nhất trí về hàng thừa kế và di sản thừa kế mà ông Nguyễn Bá L để lại như lời khai của bà Th. Anh đồng ý với quan điểm của bà Th, đề nghị Tòa

án chia di sản thừa kế của ông L theo pháp luật. Anh mong muốn được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật (quyền sử dụng đất) và đề nghị được chia cùng các thửa đất với bà Th tại thửa 199, 200. Đối với ½ số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồn*g) + lãi gửi tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ - Bắc Thái Bình từ ngày 15/01/2019, anh cũng đề nghị giao cho bà Th sở hữu, bà Th thanh toán kỷ phần mà anh được nhận bằng tiền mặt. Anh K không yêu cầu trích trả công sức hay thù lao quản lý di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Kh trình bày: Chị nhất trí về hàng thừa kế và di sản thừa kế như lời khai của bà Th và anh K. Chị đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông L theo pháp luật và chị mong muốn được chia kỷ phần bằng hiện vật tại vị trí là thửa đất số 202; 204 tờ bản đồ số 02 đã được Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/1996. Kỷ phần mà chị được hưởng chị tự nguyện nhường lại cho cháu Nguyễn Bá M. Chị không yêu cầu cháu M và chị H (là người đại diện của cháu M) phải thanh toán giá trị kỷ phần cho chị. Đối với ½ số tiền gốc và lãi trong sổ tiết kiệm, chị đề nghị phân chia theo kỷ phần của từng người thừa kế.

Người đại diện của cháu Nguyễn Bá M là chị Nguyễn Thị Hoa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu M cùng trình bày: Chị Hoa và anh Nguyễn Bá Q đăng ký kết hôn vào năm 2005 và đã ly hôn vào năm 2008. Anh, chị chỉ có 01 con chung là cháu Nguyễn Bá M, sinh ngày 14/7/2006. Ngoài ra anh Quyết không còn người con nào khác. Chị H đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là bất động sản của ông L để lại theo pháp luật và kỷ phần của cháu M được hưởng chị (Hoa) mong muốn cháu M được nhận bằng hiện vật, vì hiện tại mẹ con chị đang phải ở nhờ nhà bà ngoại. Đối với di sản là ½ số tiền trong sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Agribank, chi nhánh huyện Quỳnh Phụ, chị đề nghị giao bà Th sở hữu và bà Th thanh toán cho cháu M kỷ phần cháu được hưởng bằng tiền mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cố tình dấu địa chỉ. Chị Nguyễn Thị Nh (vợ anh C) trình bày: Chị đồng ý với lời khai của bà Th, anh K về hàng thừa kế và di sản thừa kế do ông L để lại. Chị đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là bất động sản của ông L để lại theo pháp luật và chia bằng hiện vật. Kỷ phần của anh C được hưởng, chị đề nghị chia cho anh C tại vị trí là thửa đất số 202; 204 tờ bản đồ số 02, Thôn Ng, xã A, huyện Q đã được Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/1996. Đối với di sản là ½ số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồn*g) và lãi gửi tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ - Bắc Thái Bình từ ngày

15/01/2019, chị Nhị đề nghị chia theo đúng kỷ phần của từng người thừa kế và nhận tiền mặt. Hiện anh C vắng mặt tại địa phương, không cung cấp địa chỉ cho gia đình, thỉnh thoảng anh có liên lạc bằng điện thoại cho vợ con nhưng gia đình không thể liên lạc lại được với anh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Nguyễn Đức Th và bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Ngày 05 tháng 01 năm 1998 ông bà có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bá L (khi đó ông L và bà Th là vợ chồng) quyền sử dụng diện tích đất 514.3 m2, tại tờ bản đồ số 02 (gồm 02 thửa: thửa đất số 199 là 110 m2 đất ao và thửa đất số 200 trong đó có 200 m2 đất ở nông thôn và 205 m2 đất vườn tạp) thuộc xóm 7 (nay là thôn Ng), xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng, có xác nhận của địa phương và ông L là người ký tên người nhận chuyển nhượng. Ông bà khẳng định chữ "Lự" trong hợp đồng đã bị sửa thành chữ "Cường" và sửa số tuổi 45 thành 25, việc sửa này không đúng với nội dung hợp đồng đã giao dịch và ông bà không giao dịch chuyển nhượng đất với anh Nguyễn Văn C. Tại Biên bản xác minh đối với ông Phạm Công Dương nguyên là địa chính xã A năm 1998 ông Dương đều thừa nhận như lời trình bày của ông Th và bà Nh.

- Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Q thể hiện: Ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Th có quan hệ vợ chồng từ năm 1976 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông L, bà Th có 03 người con chung như các đương sự khai, ngoài ra ông L còn có 01 con riêng với người vợ trước (bà Nguyễn Thị Lụa) là chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1973. Bố mẹ của ông L đã chết trước khi ông L qua đời. Anh C đã vắng mặt tại địa phương từ 10 năm nay, không rõ hiện đang ở đâu, theo gia đình cung cấp thì anh C thỉnh thoảng liên lạc về qua điện thoại.

Đối với các thửa đất, tài sản gắn liền với đất có yêu cầu chia di sản thừa kế là tài sản chung, thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Th. Trước thời điểm bà Th yêu cầu chia thừa kế, các tài sản trên vẫn sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp với ai, phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không bị thế chấp, kê biên.

Công văn trả lời của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ - Bắc Thái Bình: Ông Nguyễn Bá L có số tiền gốc gửi tiết kiệm là 50.000.000 đồng với lãi suất linh động tính đến ngày 08/7/2022 là 7.272.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thông Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ - Bắc Thái Bình. Trong trường hợp Tòa án gia cho bà Th nhận sổ tiết kiệm và bà Th có trách nhiệm thanh toán cho người hưởng thừa kế theo quyết định của Hội đồng xét xử thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thông Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ - Bắc Thái Bình cũng

đồng ý

Công văn trả lời của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình xác định: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977 không có xuất cảnh ra nước ngoài kể từ năm 2011 cho đến nay.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác định: Trong đó thửa đất số 199 là 110 m^2 đất ao và thửa đất số 200, thì có 200 m^2 đất thổ cư, còn 204,3 m^2 đất vườn tạp) thuộc xóm 7 (thôn Ng), xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Nguồn gốc hai thửa đất: 199 và 200 là nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức Th và bà Nguyễn Thị Nh vào ngày 05 tháng 01 năm 1998). Thửa đất không có lấn chiếm vào hành lang giao thông; không thế chấp và không có tranh chấp với hộ liền kề. Khi xem xét thẩm định và đo đạc hiện trạng còn **514.3 m^2** đây là sai số do đo đạc. Thửa đất: 202 và 204, tờ bản đồ số 02 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H188293, vào sổ số 92/QSDĐ ngày 01/10/1996 không có lấn chiếm vào hành lang giao thông; không thế chấp và không có tranh chấp với hộ liền kề. Khi xem xét thẩm định và đo đạc hiện trạng còn **242.1m^2** đây là sai số do đo đạc; riêng phần đất ao đã bị đôn san bằng phẳng cho nên không còn ao nữa.

Nhà mái ngói: 62,8 m^2; Nhà mái bằng 7.0 m^2; Lán tôn 27.7 m^2; Sân bê tông: 79.8 m^2; Giếng khơi: 0.7 m^2; Bể nước: 4.5 m^2; **Tổng cộng trị giá: 29.800.000 đồng;**

Giá trị đất ở nông thôn là: 1.100.000 đồng; đất ao là: 42.000 đồng; Giá đất lâu năm khác (vườn tạp) 45.000 đồng;

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, bà Th và chị H đã có văn bản thỏa thuận với nội dung: *"Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985. Là người giám hộ của cháu Nguyễn Bá M, sinh ngày 14/7/2006 (cháu M là con của chị H và anh Nguyễn Bá Q, sinh năm: 1984 (Đã chết ngày 01/3/2015).* Tự nguyện thanh toán số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) *chobà Th. Bà Th tự nguyện nhường lại cho cháu Nguyễn Bá M được nhận một phần của kỷ phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất (đất ở và đất ao) của bà Nguyễn Thị Th đối với: Thửa đất số 202, diện tích 200 m^2; loại đất ở nông thôn; thửa đất 204, diện tích 54 m^2, loại đất ao (cả hai thửa cùng tờ bản đồ số 02) tại thôn Ng), xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Thửa đất ở và đất ao đã được UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H188293, vào sổ số 92/QSDĐ ngày 01/10/1996).*

Tại phiên tòa bà Th và chị H rút yêu cầu đã thỏa thuận và rút văn bản thỏa thuận vào ngày 27 tháng 5 năm 2022 và không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự gồm: bà Th, chị Kh, anh K,chị H; Luật sư của nguyên đơn; ông Trợ giúp viên pháp lý cơ bản chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về di sản của ông L để lại như lời trình bày của các đương sự.

Căn cứ vào nguyện vọng của các đồng thừa kế, căn cứ vào các Điều 147 BLTTDS; Điều 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 7 Điều 27; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th.

Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Bá L để lại, chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, cụ thể: Bà Th, anh K được chia tại các thửa đất số 199 và 200 có nhà xây 4 gian lợp tôn và công trình phụ khác trên diện tích 514.3 m^2, tại tờ bản đồ số 02 thuộc Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Chia cho bà Th, anh C, chị Kh, cháu M tại thửa đất số 202, diện tích 200 m^2 ; loại đất ở nông thôn; thửa đất 204, diện tích sau đo đạc 42,1m^2 , loại đất ao (cả hai thửa cùng tờ bản đồ số 02) tại Thôn Ng, xã A, huyện Q. Đối với kỷ phần của anh C cần được tạm giao cho chị Nguyễn Thị Nh vợ anh C quản lý giúp anh C.

Chị Kh tự nguyện cho cháu M kỷ phần của mình được hưởng cần được chấp nhận. Tòa án cân nhắc tuyên rõ ràng phần diện tích từng loại đất mà các thừa kế được hưởng.

Anh K tự nguyện cho bà Th kỷ phần của mình được hưởng cần được chấp nhận.

Sau khi phân chia di sản các thừa kế nào nhận kỷ phần bằng hiện vật nhiều hơn có trách nhiệm thanh toán chênh lệch bằng tiền cho người nhận kỷ phần bằng hiện vật ít hơn.

Bà Nguyễn Thị Th được quản lý, sở hữu 01 sổ tiết kiệm có số tiền gốc là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồn*g) gửi tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình từ ngày 15/01/2019, chủ sổ mang tên

ông Nguyễn Bá L, có trách nhiệm nhận tiền từ Ngân hàng và thanh toán kỷ phần cho các đồng thừa kế là chị Kh, anh C, anh K, cháu M.

+ Về chi phí thẩm định giá tài sản: Bà Th tự nguyện chịu 2.000.000 đồng, chị H mẹ đẻ cháu M nhận chịu 3.000.000 đồng chi phí thẩm định giá tài sản, chị H, bà Th đã nộp đủ.

+ Về án phí: Anh K, anh C, chị Kh (chị H tự nguyện nộp thay chị Kh), phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được hưởng theo quy định của pháp luật. Riêng bà Th là người cao tuổi, cháu M là trẻ em và đều có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] ***Về thủ tục tố tụng:***

[2.1] *Về thẩm quyền:* Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Dũng K về việc chia thừa kế về tài sản của ông Nguyễn Bá L. Đây là quan hệ pháp luật "*Tranh chấp thừa kế về tài sản*". Bị đơn anh Nguyễn Dũng K hiện đang cư trú tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

[2.2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Ông Nguyễn Bá L chết ngày 24/4/2019, ngày 24/12/2021 bà Nguyễn Thị Th khởi kiện tại Tòa yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và số tiền gửi tiết kiệm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 *"... Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản,... kể từ thời điểm mở thừa kế ..."* cho nên thời hiệu khởi kiện chia di sản của ông L vẫn còn.

[2.3] *Về thủ tục thừa kế thế vị:* Ngày 01/3/2015 anh Nguyễn Bá Q chết, do đó Hội đồng xét xử xác định cháu Nguyễn Bá M sinh ngày 14/7/2006 là người thừa kế thế vị của anh Nguyễn Bá Q theo Điều 652 của Bộ luật dân sự. Chị Đỗ Thị H là mẹ cháu M và là người đại diện hợp pháp của cháu M.

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều cung cấp địa chỉ đăng ký hộ khẩu của anh C và đều không cung cấp địa chỉ mới của anh C. Chị Nhị khẳng định anh C có điện thoại về bằng nhiều số điện thoại khác nhau và không nhớ số

điện thoại và không có địa chỉ chỉ mới của anh C của anh C. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định *"....Đối với vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế mà nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ và Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập, xác minh địa chỉ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của người đó thì Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Phần tài sản mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ được nhận thì Tòa án **tạm giao** cho người thân thích của người đó hoặc người thừa kế khác quản lý..."*. Vì vậy tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[3] ***Về nội dung:***

[3.1] *Về người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Bá L:*

Căn cứ Biên bản xác minh hàng thừa kế tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và lời trình bày của bà Th, chị Kh, anh K, chị Nhị, chị H thể hiện: Ông L có vợ là bà Nguyễn Thị Lụa có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1973. Ông L và bà Lụa không có tài sản chung nào. Năm 1976 ông L kết hôn với bà Th có 03 con chung: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977; anh Nguyễn Dũng K, sinh năm 1981; anh Nguyễn Bá Q sinh năm 1984 (đã chết 01/3/2015). Anh Quyết có 01 con là cháu Nguyễn Bá M, sinh ngày 14/7/2006. Căn cứ Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cháu M là hàng thừa kế thế vị của anh Quyết.

[3.2] *Về di sản thừa kế:* Các đương sự đều thống nhất ông L chết ngày 24/4/2019 và không để lại di chúc và đề nghi chia theo pháp luật nhận bằng hiện vật là quyền sử đất và chia giá trị nhận bằng tiền cho hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị:

Tài sản chung Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Bá L gồm: Thửa đất số 199 và 200 có diện tích 514.3 m^2, tại tờ bản đồ số 02 (*Trong đó thửa đất số 199 là 110 m^2 đất ao và thửa đất số 200, thì có 200 m^2 đất ở nông thôn, còn 204,3 m^2 đất vườn tạp*) thuộc Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Tài sản gắn liền với thửa đất này là: Nhà mái ngói: 62,8 m^2; Nhà mái bằng 7.0 m^2; Lán tôn 27.7 m^2; Sân bê tông: 79.8 m^2; Giếng khơi: 0.7 m^2; Bể nước: 4.5 m^2; Tường bao và cổng giậu.

Thửa đất số 202, diện tích 200m^2, loại đất ở nông thôn; thửa đất 204, diện tích 42.1m^2, loại đất ao (cả hai thửa cùng tờ bản đồ số 02), thuộc Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình *(Thửa đất đã được UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái*

Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H188293, vào sổ số 92/QSDĐ ngày 01/10/1996).

Số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhán huyện Quỳnh Phụ - Bắc Thái Bình (gốc + lãi suất) là 57.272.000 đồng.

Như vậy xác định: Di sản thừa kế của ông Nguyễn Bá L là ½ thửa đất số 199 và 200 có diện tích 514.3 m^2, tại tờ bản đồ số 02 (*Trong đó thửa đất số 199 là 110 m^2 đất ao và thửa đất số 200, thì có 200 m^2 đất ở nông thôn, còn 204,3 m^2 đất vườn tạp*) thuộc Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình trị giá là 116.907.000 đồng. Các tài sản gắn liền với thửa đất này gồm: Nhà mái ngói: 62,8 m^2; Nhà mái bằng 7.0 m^2; Lán tôn 27.7 m^2; Sân bê tông: 79.8 m^2; Giếng khơi: 0.7 m^2; Bể nước: 4.5 m^2; Tường bao và cổng giậu: trị giá là 14.900.000 đồng (*mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng);* ½ thửa đất số 202, diện tích 200m^2, loại đất ở nông thôn; thửa đất 204, diện tích 42.1m^2, loại đất ao (cả hai thửa cùng tờ bản đồ số 02), thuộc Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Thửa đất đã được UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H188293, vào sổ số 92/QSDĐ ngày 01/10/1996) trị giá: 110.884.000 đồng. Số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Quỳnh Phụ - Bắc Thái Bình (gốc + lãi suất) là 28.636.000 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế của ông L là 271.327.000 đồng, kỷ phần thừa kế của mỗi người là 54.265.400 đồng.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn và lời đề nghị của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th mong muốn quản lý và sử dụng thửa đất số 199 và 200 tại tờ bản đố số 02 và diện tích đất được chia từ di sản thừa kế của ông L tại thửa đất số 202 và 204. Tại phiên tòa anh K tự nguyện, thỏa thuận tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của anh K được hưởng từ ông L cho bà Th. Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự thỏa thuận của bà Th và anh K cho nên chia cho bà Th gắn liền với tài sản chung của bà với ông L gồm:

Cần giao cho bà Nguyễn Thị Th quản lý và sử dụng 514.3 m^2 (trong đó có 200 đất ở và 314.3 m^2 đất lâu năm khác và đất ao) bao gồm ½ tài sản chung của bà với ông L và được chia từ di sản thừa kế của ông L; kỷ phần tặng cho của anh K, cháu M (và kỷ phần cháu M được chị Kh tặng cho) đất ao tại thửa đất số 199; 200, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ đất kèm theo); Bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu: Nhà mái ngói: 62,8 m^2; Nhà mái bằng 7.0 m^2; Lán tôn 27.7 m^2; Sân bê tông: 79.8 m^2; Giếng khơi: 0.7 m^2; Bể nước: 4.5 m^2; Tường bao và cổng giậu.

Bà Nguyễn Thị Th quản lý và sư dụng: 80.0 m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 202; 204, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(có sơ đồ đất kèm theo). Cần giao bà Th quản lý và sở hữu sổ tiết kiệm có số tiền gốc là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồ*ng) và lãi suất gửi tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình từ ngày 15/01/2019, chủ sổ mang tên ông L để bà Th có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa bà Th và chị H tự nguyện thỏa thuận rút yêu cầu tự nguyện thanh toán cho nhau là 80.000.000 đồng (ngày 27/5/2022) không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Th và chị H.

[3.4] Xét yêu cầu của bị đơn: Anh Nguyễn Dũng K đề nghị được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất tương ứng với: 75,6 m^2 (đất ở nông thôn và đất lâu năm khác và đất ao tại các thửa đất số 199 và 200; tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ đất kèm theo) và số tiền là 8.707.200 đồng. Anh K tự nguyện tặng lại kỷ phần di sản thừa kế được hưởng từ ông L cho bà Th. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh K.

[3.5] Xét yêu cầu của chị Kh: Chị được chia tương ứng với 40 m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 202; 204, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và 35,6 m^2 đất lâu năm khác và đất ao tại thửa đất số 199; 200, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và số tiền là 8.707.200 đồng. Đối với quyền sử dụng đất chị Kh tặng cho cháu M và không yêu cầu cháu M, chị H phải thanh toán giá trị bằng tiền. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị Kh cần ghi nhận. Số tiền là 8.707.200 đồng bà Th phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Kh.

[3.6] Anh Nguyễn Văn C được chia tương ứng với: 40 m^2 đất ở nông thôn; 35,6 m^2 đất ao tại thửa đất số 202; 204, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ đất kèm theo) và số tiền là 8.707.200 đồng (bao gồm số tiền thanh toán giá trị tài sản gắn liền với đất là 2.980.000 đồng và kỷ phần được hưởng từ số tiền gửi tiết kiệm của ông L là 5.727.200 đồng). Số tiền là 8.707.200 đồng bà Th phải có trách nhiệm thanh toán cho anh C. Do bà Th, chị Kh, anh K từ chối quản lý kỷ phần của anh C được hưởng của ông L. Kỷ phần thừa kế của anh Nguyễn Văn C sẽ **tạm giao** cho chị Nguyễn Thị Nh (là vợ anh C) quản lý, sau này anh C có quyền hưởng thừa kế theo pháp luật.

[3.7] Xét yêu cầu của chị H và cháu M: Cháu Nguyễn Bá M được chia tương ứng với: 40 m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 202; 204, và 35,6 m^2 đất vườn tạp và đất ao tại thửa 199, 200 tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và diện tích đất chị Kh tự nguyện tặng cho cháu M. Như vậy chia cho cháu M 80.0 m^2 đất ở nông thôn và 6.5 m^2 đất ao tại thửa đất số 202;

204, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ đất kèm theo) số tiền là 8.707.200 đồng (bao gồm số tiền thanh toán giá trị tài sản gắn liền với đất là 2.980.000 đồng và kỷ phần được hưởng từ số tiền gửi tiết kiệm của ông L là 5.727.200 đồng. Tại phiên tòa cháu M và chị H đều nhất trí tặng cho bà Th là 64,7 m^2 đất vườn tạp và đất ao (Bao gồm: kỷ phần thừa kế của cháu M và chị Kh mỗi người là 35,6 m^2 đất lâu năm khác và đất ao tại thửa đất số 199; 200, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ đất kèm theo). Đây là sự tự nguyện của cháu M, chị H và ông S cũng nhất trí với sự tự nguyện này. Số tiền là 8.707.200 đồng bà Th phải có trách nhiệm thanh toán cho cháu M và giao cho chị H quản lý.

[4] Bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm giao dịch tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank)- Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ để thanh toán cho các đồng thừa kế theo quyết định của Hội đồng xét xử.

[5] Công sức duy trì, quản lý di sản thừa kế của ông L: Các đương sự không yêu cầu cho nên không phải giải quyết;

[6] *Về án phí:* Bà Th là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí và cháu M là trẻ em cho nên Theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án được miễn án phí.

Anh K đề nghị miễn án phí nhưng anh không thuộc đối tượng miễn án phí; chị H nhận chịu án phí thay cho chị Kh đây là sự tự nguyện của chị H cần chấp nhận. Chị Nhị có đơn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A về việc đề nghị miễn án phí cho chị nhưng chị là người tạm giao không phải chịu án phí, do đó anh C phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[7] Chi phí tố tụng khác: Bà Th tự nguyện chịu 2.000.000 đồng; chị H tự nguyện chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí đo máy (VLAP) của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Thái Bình cho nên không phải giải quyết.

[8] Đề nghị của ông Phạm Hữu L là Luật sư của bà Th và ông Nguyễn Tiến S - Trợ giúp viên pháp lý; Quan điểm của Kiểm sát viên là đúng thực tế phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của bà Th, anh C, anh K, chị H có căn cứ chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 74; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9; Điều 613, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Bá L;

2. Xác định: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Bá L có tài sản chung gồm: Thửa đất số 199 và 200 có diện tích 514.3 m^2, tại tờ bản đồ số 02 (*Trong đó thửa đất số 199 là 110 m^2 đất ao và thửa đất số 200, thì có 200 m^2 đất ở nông thôn, còn 204,3 m^2 đất vườn tạp*) thuộc Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Tài sản gắn liền với thửa đất này là: Nhà mái ngói: 62,8 m^2; Nhà mái bằng 7.0 m^2; Lán tôn 27.7 m^2; Sân bê tông: 79.8 m^2; Giếng khơi: 0.7 m^2; Bể nước: 4.5 m^2; Tường bao và cổng giậu. Thửa đất số 202, diện tích 200m^2, loại đất ở nông thôn; thửa đất 204, diện tích 42.1m^2, loại đất ao (cả hai thửa cùng tờ bản đồ số 02), thuộc Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình *(Thửa đất đã được UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H188293, vào sổ số 92/QSDĐ ngày 01/10/1996)*, Số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhán huyện Quỳnh Phụ - Bắc Thái Bình (gốc + lãi suất) là 57.272.000 đồng.

3. Xác định: Di sản thừa kế của ông Nguyễn Bá L là ½ thửa đất số 199 và 200 có diện tích 514.3 m^2, tại tờ bản đồ số 02 (*Trong đó thửa đất số 199 là 110 m^2 đất ao và thửa đất số 200, thì có 200 m^2 đất ở nông thôn, còn 204,3 m^2 đất vườn tạp*) thuộc Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình trị giá là: 116.907.000 đồng. Các tài sản gắn liền với thửa đất này gồm: Nhà mái ngói: 62,8 m^2; Nhà mái bằng 7.0 m^2; Lán tôn 27.7 m^2; Sân bê tông: 79.8 m^2; Giếng khơi: 0.7 m^2; Bể nước: 4.5 m^2; Tường bao và cổng giậu: trị giá là 14.900.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng) và ½ thửa đất số 202, diện tích 200m^2, loại

đất ở nông thôn; thửa đất 204, diện tích 42.1m^2, loại đất ao (cả hai thửa cùng tờ bản đồ số 02), thuộc Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Thửa đất đã được UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H188293, vào sổ số 92/QSDĐ ngày 01/10/1996) trị giá: 110.884.000 đồng. Số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Quỳnh Phụ - Bắc Thái Bình (gốc + lãi suất) là 28.636.000 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế của ông L là **271.327.000 đồng.**

4. Chia cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Th quản lý và sử dụng thửa đất số 199 và 200 có diện tích 514.3 m^2, tại tờ bản đồ số 02 (*Trong đó thửa đất số 199 là 110 m^2 đất ao và thửa đất số 200, thì có 200 m^2 đất ở nông thôn, còn 204,3 m^2 đất vườn tạp),* (có sơ đồ đất kèm theo). Bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu: Nhà mái ngói: 62,8 m^2; Nhà mái bằng 7.0 m^2; Lán tôn 27.7 m^2; Sân bê tông: 79.8 m^2; Giếng khơi: 0.7 m^2; Bể nước: 4.5 m^2; Tường bao và cổng giậu.

- Bà Nguyễn Thị Th được chia: 80.0 m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 202; 204, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ đất kèm theo). Bà Th quản lý và sở hữu sổ tiết kiệm có số tiền gốc là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồ*ng) và lãi suất gửi tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình từ ngày 15/01/2019, chủ sổ mang tên ông L để bà Th có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế.

- Anh Nguyễn Văn C được chia 40 m^2 đất ở nông thôn; 35,6 m^2 đất ao tại thửa đất số 202; 204, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ đất kèm theo) và số tiền là 8.707.200 đồng (tạm giao cho chị Nguyễn Thị Nh quản lý);

- Cháu Nguyễn Bá M được chia: 80.0 m^2 đất ở nông thôn; 6.5 m^2 đất ao tại thửa đất số 202; 204, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ đất kèm theo) và số tiền là 8.707.200 đồng (giao cho chị Đỗ Thị H quản lý đến khi cháu M đủ 18 tuổi);

- Chị Nguyễn Thị Kh được chia số tiền là 8.707.200 đồng;

5. Bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm giao dịch tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank) - Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ để thanh toán cho các đồng thừa kế theo quyết định của Hội đồng xét xử.

Bà Th phải trả cho chị Kh, anh C, cháu M mỗi người là 8.707.200 đồng (5.727.200 đồng tiền gửi tiết kiệm và 2.980.000 đồng tiền tài sản)

6. Công sức duy trì, quản lý di sản thừa kế của ông L không phải giải quyết;

7. Về án phí: Bà Th, cháu M được miễn án phí dân sự sơ thẩm; chị Kh (chị H tự nguyện nộp thay chị Kh), anh C, anh K mỗi người phải chịu 2.713.000 đồng;

8. Về chi phí tố tụng: Đã giải quyết xong;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

9. *Về quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Dũng K, chị Đỗ Thị H, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08 tháng 7 năm 2022);

Chị Nguyễn Thị Kh, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Kèm theo Bản án số 07/2022/DS-ST, ngày 08/7/2022 là 01 sơ đồ các thửa đất).

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng